

Số: /KH-UBND

Thạch Lâm, ngày tháng 9 năm 2024.

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024.

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 (gọi tắt là Nghị định số 07); Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 (gọi tắt là Quyết định số 24);

Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo (gọi tắt là Thông tư số 07); Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội sửa đổi một số nội dung của Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH (Gọi tắt là thông tư 02).

Căn cứ Kế hoạch số 216/KH-UBND ngày 04/9/2024 của UBND huyện Thạch Thành về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024;

UBND xã Thạch Lâm ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 (Gọi tắt là kế hoạch rà soát) trên địa bàn xã với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức rà soát nhằm xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo và thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 để đánh giá kết quả thực hiện Chương trình giảm nghèo năm 2024, đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và dịch vụ xã hội cơ bản của người dân giúp các cấp chính quyền triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và các chính sách kinh tế - xã hội khác năm 2025 và các năm tiếp theo.

2. Yêu cầu

Việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 thực hiện đúng phương pháp, quy trình được quy định tại Quyết định 24, Thông tư 07 và Thông tư 02 đảm bảo công khai, dân chủ; đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương; sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc và sự tham gia của người dân.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi thực hiện

Thực hiện tại 06 thôn trên địa bàn toàn xã

2. Đối tượng áp dụng

- Toàn bộ hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND xã quản lý tại thời điểm rà soát và các hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc do địa phương chủ động phát hiện những hộ có khả năng là hộ nghèo, hộ cận nghèo nhưng chưa có Giấy đề nghị tại thời điểm rà soát trên địa bàn xã.

- Toàn bộ hộ gia đình quy định tại Khoản 2 Điều 37 Luật Cư trú làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp có Giấy đề nghị xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã.

III. NỘI DUNG

1. Tiêu chí đo lường nghèo đa chiều, chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo

1.1. Tiêu chí đo lường nghèo đa chiều

a) Tiêu chí thu nhập

- Khu vực nông thôn: Từ 1.500.000 đồng/người/tháng trở xuống.

- Khu vực thành thị: Từ 2.000.000 đồng/người/tháng trở xuống.

b) Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

- Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.

- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

1.2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình

a) Chuẩn hộ nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Chuẩn hộ cận nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

c) Chuẩn hộ có mức sống trung bình

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

2. Quy trình, tiến độ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình

Căn cứ tình hình thực tế thôn tổ chức rà soát đảm bảo quy trình, tiến độ, thời gian quy định tại Điều 3, Điều 4 Quyết định 24 như sau:

2.1. Quy trình rà soát định kỳ

Bước 1. Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát (Mẫu số 03).

Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với thôn và rà soát viên lập Danh sách hộ gia đình cần rà soát, gồm:

- Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND xã đang quản lý tại thời điểm rà soát;

- Đối với hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát (Mẫu số 01) và những hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm, có nguy cơ nghèo, cận nghèo do rà soát viên, trưởng thôn phát hiện lập danh sách đưa vào Mẫu số 02 (Phiếu A) để nhận dạng nhanh hộ gia đình không thuộc đối tượng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo. Trường hợp có dưới 4 tiêu chí thì đưa vào danh sách hộ cần rà soát.

Lưu ý: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, lực lượng rà soát viên, trưởng thôn chủ động phát hiện những hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm, có nguy cơ nghèo, cận nghèo để hướng dẫn hộ gia đình làm giấy đề nghị đưa vào danh sách các hộ rà soát nhanh theo phiếu A.

Bước 2. Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình (Mẫu số 4.1 và Mẫu số 4.2).

Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với trưởng thôn và rà soát viên thu thập thông tin hộ gia đình, tính diêm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

Bước 3. Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát.

- Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã, Trưởng thôn (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ thôn, đoàn thể, rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc xã giám sát.

- Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo), nếu có ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp đồng ý thì kết quả rà soát được chấp nhận. Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50% thì phải thực hiện rà soát lại từ Bước 2 theo quy định.

- Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản (Mẫu số 05), có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở thôn, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã).

Bước 4. Niêm yết, thông báo công khai.

- Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (Mẫu số 06, mẫu số 07) tại Nhà văn hóa thôn và trụ sở UBND xã; thông báo qua đài truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại Nhà văn hóa thôn và trụ sở UBND cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát).

Bước 5. Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch UBND huyện:

- Chủ tịch UBND xã báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch UBND huyện về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn (Mẫu số 08), (gửi qua Phòng Lao động -TBXH).

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch UBND xã, Chủ tịch UBND huyện có ý kiến trả lời bằng văn bản (giao Phòng Lao động - TBXH tham mưu thẩm tra và trả lời).

Bước 6. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Chủ tịch UBND xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch UBND huyện, quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn (Mẫu số 19) và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo (Mẫu số 20).

Bước 7. Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

UBND huyện tổng hợp, phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở LĐTB&XH).

2.2. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm

- Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.
- Thời gian rà soát: mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng.

2.3. Quy trình xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình

- Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.
- Thời gian thực hiện: Từ ngày 15 hằng tháng.

3. Phương pháp rà soát và phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

3.1. Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg): Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Kế hoạch này để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm B1):
 - + Ở khu vực nông thôn: 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng;
 - + Ở khu vực thành thị: 175 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 2.000.000 đồng/người/tháng.
- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B2): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

3.2. Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Hộ nghèo:
 - + Khu vực nông thôn: hộ có điểm $B1 \leq 140$ điểm và điểm $B2 \geq 30$ điểm.
 - + Khu vực thành thị: hộ có điểm $B1 \leq 175$ điểm và điểm $B2 \geq 30$ điểm.
- Hộ cận nghèo:
 - + Khu vực nông thôn: hộ có điểm $B1 \leq 140$ điểm và điểm $B2 < 30$ điểm.

4. Phương pháp xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình

Là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

5. Hệ thống biểu mẫu, phiếu rà soát

Hệ thống biểu: Tại phụ lục II kèm theo Kế hoạch này, gồm: Các biểu mẫu quy định tại Quyết định 24/2021/QĐ-TTg, Thông tư 07, Thông tư 02 đã được đánh lại số thứ tự và một số mẫu biểu có bổ sung thêm thông tin nhằm phục vụ công tác tổng hợp và thực hiện chính sách giảm nghèo có liên quan.

6. Báo cáo kết quả rà soát định kỳ năm 2024

6.1. Báo cáo sơ bộ

- Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo Chủ tịch UBND huyện **trước ngày 15/10/2024**. Hồ sơ báo cáo gồm: Công văn báo cáo và biểu tổng hợp theo Mẫu số 08.

6.2. Báo cáo chính thức

Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo Chủ tịch UBND huyện **trước ngày 30/10/2024**. Hồ sơ báo cáo gồm:

- Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo của Chủ tịch UBND cấp xã (Mẫu số 06, Mẫu số 07, Mẫu số 19) kèm hệ thống biểu tổng hợp của cấp xã từ Mẫu số 08 đến Mẫu số 18 theo chuẩn giai đoạn 2022 - 2025.

- Hồ sơ lưu tại UBND cấp xã gồm: (1) Hệ thống bảng biểu, Giấy đề nghị rà soát, Phiếu rà soát; (2) Văn bản xin ý kiến của Chủ tịch UBND cấp xã và văn bản trả lời của Chủ tịch UBND huyện về kết quả rà soát; (3) Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo của Chủ tịch UBND cấp xã, biểu tổng hợp của xã; (4) Quyết định phê duyệt kết quả rà soát của Chủ tịch UBND huyện kèm các biểu mẫu tổng hợp; (5) Các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện tại cấp xã.

7. Báo cáo kết quả rà soát thường xuyên năm 2024

Ngày 05 hằng tháng (từ tháng 02 đến tháng 9), Chủ tịch UBND cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND huyện kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên trên địa bàn (nếu có). Chủ tịch UBND cấp huyện tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

8. Kinh phí thực hiện

Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Chủ tịch UBND xã bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ cho công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã

- Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 của Chủ tịch UBND xã Thạch Lâm về việc kiện toàn Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định thu nhập hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 xã Thạch Lâm và các văn bản điều chỉnh, bổ sung các thành viên.

- Thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo địa bàn được phân công tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch này.

- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ với Trưởng Ban Chỉ đạo xã (qua Công chức Văn hóa - Xã hội) trước ngày 13/10/2024.

2. Công chức Chính sách - Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai Kế hoạch rà soát; chỉ đạo, tổ chức, theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các thôn thực hiện rà soát.

- Tổ chức tập huấn quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình cho thành viên Ban Chỉ đạo xã và tổ rà soát các thôn.

- Thống nhất biểu mẫu, cấp phát tài liệu hướng dẫn; phiếu, biểu mẫu phục vụ cho việc rà soát.

- Thực hiện công tác kiểm tra, phúc tra, giám sát quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các thôn.

- Tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024. Trình Chủ tịch UBND xã phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và báo cáo theo quy định.

3. Văn phòng Thống kê UBND xã

Tham gia công tác tổng hợp, thống kê số liệu báo cáo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024.

4. Công chức kế toán Ngân sách xã

Tham mưu bố trí kinh phí, Hướng dẫn sử dụng, thanh quyết toán kinh phí rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024.

5. Công chức Văn hóa - Thông tin

Đẩy mạnh tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa và phương pháp, quy trình, công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024; tiêu chí và mức chuẩn nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 và việc xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức thành viên

- Chủ trì, giám sát việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên phạm vi toàn xã.

- Chỉ đạo Ban công tác mặt trận các thôn tổ chức giám sát việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn; chỉ đạo các tổ chức thành viên căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tích cực công tác thông tin, tuyên truyền và thực hiện giám sát việc rà soát ở các đơn vị.

7. Các thôn

Tổ chức lực lượng rà soát viên trực tiếp làm công tác rà soát, tổng hợp dữ liệu gồm: Trưởng thôn, đại diện các đoàn thể (Chi hội Nông dân, Hội Phụ Nữ, Đoàn Thanh Niên, Hội Cựu Chiến Binh, Công an viên.....). Mời đồng chí Bí thư Chi bộ tham gia. Tùy theo số lượng hộ trong thôn và đề xuất của thôn Chủ tịch UBND cấp xã quyết định số lượng, thành phần tham gia lực lượng rà soát viên nhằm đảm bảo tiến độ thời gian. Tuyên truyền, giải thích cho cán bộ và Nhân dân ở địa bàn rà soát hiểu được: Mục đích, ý nghĩa và phương pháp, quy trình, công cụ, tiêu chí và mức chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022 - 2025 và việc xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

Căn cứ Kế hoạch này Ủy ban nhân dân xã yêu cầu các cán bộ, công chức có liên quan, các đơn vị thôn rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 trên địa bàn xã Thạch Lâm. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân xã (*qua Công chức Chính sách - xã hội*) để phối hợp, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Phòng LD-TB&XH huyện (b/c);
- TTr Đảng ủy, HĐND xã (b/c);
- MTTQ và các đoàn thể;
- Thành viên Ban chỉ đạo;
- Các thôn;
- Lưu: VT, CS.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mạnh

PHỤ LỤC I
BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH CỦA CÁC
THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO

*(Kèm theo kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 9 năm 2024
của Chủ tịch UBND xã Thạch Lâm).*

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Đơn vị phụ trách |
|-----------|----------------------|----------------|--|
| 1 | Ông: Phan Văn Mạnh | CT UBND xã | Chỉ đạo, điều hành chung công việc rà soát trên địa bàn xã |
| 2 | Ông: Bùi Văn An | PCT UBND xã | Chỉ đạo điều hành chuyên môn |
| 3 | Bà: Nguyễn Thị Minh | CC CS-XH xã | Thường trực Ban Chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát trên địa bàn toàn xã và trực tiếp tại các thôn, phụ trách chuyên môn, tổng hợp báo cáo. |
| 4 | Ông: Bùi Văn Mạnh | CC ĐC xã | Chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tại Thôn Đăng Thượng |
| 5 | Bà: Nguyễn Thị Thọ | CT HPN xã | |
| 6 | Ông: Lê Đình Thực | Trưởng CA xã | |
| 7 | Ông: Nguyễn Văn Hiến | CT Hội ND xã | Chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tại Thôn Nội Thành |
| 8 | Bà: Trịnh Thị Dung | CC KT NSX | |
| 9 | Ông: Bùi Văn Năng | CC VHXH xã | |
| 10 | Ông: Nguyễn Văn Năm | CT CCB xã | Chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tại Thôn Thống Nhất |
| 11 | Ông: Bùi Văn Kiên | CC TP-HT | Chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tại Thôn Nghéo |
| 12 | Ông: Quách Văn Dũng | CT UB MTTQ xã | |
| 13 | Bà: Lê Thị Gấm | CC ĐC xã | Chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tại Thôn Đồi |
| 14 | Ông: Bùi Văn Thái | CC VPTK xã | |
| 15 | Ông: Bùi Đức Thịnh | CHT QS xã | Chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tại Thôn Biện |
| 16 | Ông: Bùi Văn Tuyên | BT ĐTN xã | |

